TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN M, TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15 /2024/HS-ST
Ngày 19 - 11 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M, TỈNH SƠN LA.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Văn Hoà;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Quàng Văn Mầng và bà Nguyễn Thị Hương;

- Thư ký phiên toà: Ông Quàng Công Thành, Thư ký Toà án nhân dân huyện M, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Lan Hương, Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Sơn La; xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 15/2024/TLST-HS ngày 25 tháng 10 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2024/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 11 năm 2024 đối với bị cáo:

Lò Văn T, sinh 01/01/1986; tại: huyện M, tỉnh Sơn La. Nơi cư trú: Bản P, xã C, huyện M, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: lớp 5/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: không; Đảng phái: không; con ông Lò Văn Th, sinh 1968 và bà Cà Thị L, sinh 1965; vợ Tòng Thị L, sinh 1986 và 03 con, con lớn nhất sinh 2006, con nhỏ nhất sinh 2010; tiền án: không; tiền sự: không; Nhân thân: ngày 23/9/2020 bị Toà án nhân dân huyện M, xử phạt 24 tháng tù về tội "Mua bán trái phép chất ma tuý" đã được xoá án tích; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/6/2024 đến nay; có mặt tại phiên toà.

- *Người bào chữa cho bị cáo*: Ông Đỗ Văn Thuận, là Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Sơn La; có mặt.

- *Người làm chứng*: Tòng Văn H, sinh 1980, nơi cư trú: Bản P, xã C, huyện M, tỉnh Sơn La; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 06 giờ 30 phút, ngày 02/6/2024, Đội cảnh sát điều tra tội phạm về HS-KT-MT phối hợp với Công an xã C làm nhiệm vụ tại bản P, xã C, huyện M,

tiến hành kiểm tra nhà ở của Lò Văn T phát hiện Thim đang sử dụng trái phép chất ma tuý, đấu tranh tại chỗ T đã giao nộp 01 bật lửa, 01 mảnh giấy bạc, 02 gói nilon màu trắng bên trong có chứa cục bột màu trắng, 01 gói nilon màu xanh bên trong có 68 viên nén màu hồng và khai nhận đó là ma tuý; Tổ công tác đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, niêm phong vật chứng, dẫn giải về Cơ quan Cảnh sát điều tra (CSĐT) Công an huyện M để điều tra theo thẩm quyền; thực hiện khám xét khẩn cấp nhà ở của Thim nhưng không thu giữ gì thêm.

Lò Văn T khai nhận: Ngày 29/5/2024, T đi bộ đến bản B, xã T, huyện M, hỏi và mua ma tuý của một người đàn ông không biết tên, địa chỉ với số tiền 3.000.000VNĐ về sử dụng và bán kiếm lời; trước khi bị phát hiện, khoảng 11 giờ ngày 31/5/2024 T được bán trái phép chất ma tuý cho Tòng Văn H lần thứ nhất được số tiền 100.000VNĐ và đến ngày 02/6/2024 T bảo H đi làm cỏ nương sắn và được trả công bằng 01 gói ma tuý tương ứng với giá trị 200.000VNĐ, H đồng ý nhận 01 gói ma tuý để đi làm cho T; 01 bật lửa và 01 mảnh giấy bạc là của T sử dụng ma tuý một mình.

Ngày 02/6/2024 Cơ quan CSĐT Công an huyện M, Viện kiểm sát nhân dân huyện M, Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La tiến hành mở niêm phong cân tịnh tách bì, xác định khối lượng và lấy mẫu giám định tang vật thu giữ khi bắt quả tang Lò Văn T, như sau:

Cục bột màu trắng trong gói nilon màu trắng thứ nhất có khối lượng là 3,12 gam, lấy 0,24 gam làm mẫu giám định ký hiệu T1, còn lại 2,88 gam ký hiệu T1A;

Cục bột màu trắng trong gói nilon màu trắng thứ hai có khối lượng là 0,30 gam, lấy 0,14 gam làm mẫu giám định ký hiệu T2, còn lại 0,16 gam ký hiệu T2A;

68 viên nén màu hồng trong gói nilon màu xanh có khối lượng là 7,34 gam, lấy 05 viên có khối lượng 0,53 gam làm mẫu giám định ký hiệu là T3, còn lại: 63 viên có khối lượng 6,81 gam cho vào 01 túi nilon màu xanh ký hiệu T3A và 02 mảnh nilon màu trắng niêm phong lưu kho vật chứng theo quy định.

Ngày 04/6/2024 Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La có Kết luận giám định số 1189/KL-KTHS, kết luận: "Mẫu ký hiệu T1, T2 là ma túy; loại Heroine; khối lượng của mẫu gửi giám định là T1= 0,24 gam, T2= 0,14 gam. Mẫu ký hiệu T3 là ma tuý; loại Methamphetamine; khối lượng của mẫu gửi giám định là 0,53 gam. Tổng khối lượng ma túy thu giữ là 3,42 gam, loại Heroine và 7,34 gam, loại Methamphetamine".

Theo quy định tại Điều 4 của Nghị định số 19/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ, thì hai chất ma túy Heroine và Methamphetamine thu giữ của Lò Văn T được quy định trong cùng một điểm nên khối lượng chất ma túy cộng lại là 10,76 gam.

Mở rộng điều tra Tòng Văn H khai nhận được mua ma tuý của T ngày 31/5/2024 với số tiền 100.000VNĐ và đến ngày 02/6/2024 Hạnh được Thim trả công làm cỏ nương thuê 01 gói ma tuý, H đã sử dụng hết số ma tuý; xác minh

nhân thân của H, xác định chưa có tiền án, tiền sự là người sử dụng trái phép ma tuý, không thu giữ được ma tuý với H; Cơ quan chức năng đã áp dụng biện pháp xử phạt vi phạm hành chính đối với H và T về hành vi sử dụng trái phép chất ma tuý; Thực hiện điều tra, xác minh đối với người bán trái phép chất ma túy cho Lò Văn T nhưng không thu thập được tài liệu khác ngoài lời khai của bị cáo.

Tại Bản cáo trạng số 133/CT-VKS-ML ngày 24/10/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện M truy tố bị cáo Lò Văn T về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo điểm b, p khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội với mục đích mua ma túy cất giữ để sử dụng và bán cho người khác kiếm lời thì bị bắt như cáo trạng đã nêu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M luận tội và tranh luận: đề nghị tuyên bố bị cáo Lò Văn T phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy". Áp dụng điểm b, p khoản 2 Điều 251; điểm r, s khoản 1 Điều 51, 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lò Văn T từ 09 năm đến 09 năm 06 tháng tù; không áp dụng phạt bổ sung đối với bị cáo. Áp dụng điểm điểm a, b, c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự và điểm a, b, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu và tiêu hủy: 2,88 gam Heroine ký hiệu T1A; 0,16 gam Heroine ký hiệu T2A; 6,81 gam Methamphetamine ký hiệu T3A; 02 mảnh nilon màu trắng; 01 bật lửa và 01 mảnh giấy bạc; tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền 100.000VNĐ. Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo T tranh luận: đồng ý với nội dung cáo trạng và lời khai bị cáo đã trình bày; bị cáo khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải, tự thú là người dân tộc thiểu số sống ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn, hiểu biết về đời sống xã hội và pháp luật hạn chế; nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm s, r khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; cho bị cáo hưởng hình phạt 09 đến 09 năm 06 tháng tù, không phạt bổ sung với bị cáo; đề nghị áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; miễn tiền án phí cho bị cáo; các nội dung khác nhất trí với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

Đại diện Viện kiểm sát và người bào chữa cho bị cáo đối đáp tranh luận đều giữ nguyên ý kiến tranh luận; Bị cáo không bổ sung bào chữa, tranh luận; bị cáo xin Hội đồng xét xử khoan hồng giảm nhẹ hình phạt, xin được miễn án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện M, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện M, Kiểm sát viên trong quá trình

điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người khác không có ý kiến, khiếu nại, tố cáo về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Người làm chứng vắng mặt, Hội đồng xét xử thấy lời khai có trong hồ sơ đã rõ nên quyết định xét xử vắng mặt; căn cứ Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[3] Về chứng cứ xác đinh hành vi phạm tội: Lời khai của bị cáo tại phiên toà phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với nội dung kết luận điều tra, cáo trạng, biên bản bắt người phạm tội quả tang, kết luận giám định, chứng cứ, tài liệu đã được thu thập và phản ánh trong hồ sơ của vụ án, được thẩm tra, xác minh tại phiên toà, xác định: Hồi 06 giờ 30 phút, ngày 02/6/2024, Lò Văn T sử dụng trái phép chất ma tuý, thì bị Đội cảnh sát điều tra tội phạm về HS-KT-MT phối hợp với Công an xã C làm nhiệm vụ phát hiện, T đã giao nộp 01 bật lửa, 01 mảnh giấy bạc, 02 gói nilon màu trắng bên trong có chứa cục bột màu trắng, 01 gói nilon màu xanh bên trong có 68 viên nén màu hồng và khai nhận đó là ma tuý cất giấu với mục đích sử dụng và bán lại kiếm lời; Tổ công tác đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang. Tại kết luận giám định số: 1189/KL-KTHS, ngày 04/6/2024 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La, kết luận: "Mẫu ký hiệu T1, T2 là ma túy; loại Heroine; khối lượng của mẫu gửi giám định là T1= 0,24 gam, T2= 0,14 gam. Mẫu ký hiệu T3 là ma tuý; loại Methamphetamine; khối lượng của mẫu gửi giám định là 0,53 gam. Tổng khối lượng ma túy thu giữ là 3,42 gam, loại Heroine và 7,34 gam, loại Methamphetamine". Cộng khối lượng hai chất ma túy là 10,76 gam. Như vậy, Lò Văn T là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, đã cố ý trực tiếp thực hiện hành vi cất giữ trái phép chất ma tuý để sử dụng và bán kiếm lời là xâm phạm chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma tuý có đủ yếu tố cấu thành tội phạm nên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận bị cáo Lò Văn T phạm tội "Mua bán trái phép chất ma tuý" theo Điều 251 của Bộ luật Hình sự; bị cáo cất giữ 02 chất ma tuý (Methamphetamine và Heroine) có tổng khối lượng là 10,76 gam, tương đương với khối lượng chất ma tuý quy định tại điểm i khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự "i) Heroine, Cocaine, Methamphetamine… có khối lượng từ 05 gam đến dưới 30 gam" là đã phạm tình tiết định khung theo quy định tại điểm p khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự; theo lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của Tòng Văn H xác định Thim đã bán trái phép chất ma tuý cho H lần thứ nhất vào ngày 31/5/2024 và đến ngày 02/6/2024 T dùng 01 gói ma tuý trả công thuê mướn Hạnh là đã phạm tình tiết định khung theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự; tội phạm và hình phạt được quy định như sau: "1. Người nào mua bán trái phép chất ma túy, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm. 2. Người nào phạm tội thuộc trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm: b) Phạm tội 02 lần trở lên; p) Có 02 chất ma túy trở lên mà tổng khối lượng hoặc thể tích của các chất đó tương đương với

khối lượng hoặc thể tích chất ma túy quy định tại một trong các điểm từ điểm h đến điểm o khoản này".

[4] Về tính chất mức độ của hành vi: Bị cáo được tuyên truyền, cải tạo giáo dục rèn luyện bản thân, được tái hoà nhập cộng đồng nhưng không thấy đó làm bài học để tiếp tục tu dưỡng, rèn luyện mà ý thức coi thường kỷ cương xã hội, pháp luật của Nhà nước, nhằm mục đích tư lợi cá nhân, kiếm lời dễ dàng bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi mua bán trái phép chất ma túy của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma tuý; với lỗi cố ý trực tiếp bị cáo không chỉ cất giấu, cất giữ trái phép 02 chất ma túy mà còn bán trái phép chất ma túy 02 lần, hành vi phạm tội rất nghiêm trọng; tội phạm bị cáo thực hiện đã hoàn thành không những làm ảnh hưởng xấu về trật tự an toàn xã hội, trật tự trị an ở địa phương mà còn làm ảnh hưởng đến chính sách về cải tạo, giáo dục người phạm tội của Nhà nước, là nguyên nhân gây ra những loại tội phạm, vi phạm pháp luật khác nên Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện M truy tố bị cáo theo tội danh và điều luật áp dụng là đúng người, đúng tội; tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát luận tội quy kết bị cáo phạm tội và đề nghị phạt tù đối với bị cáo là có căn cứ và phù hợp.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phạm tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sư, nhân thân: Bị cáo thành khẩn khai báo (khai đầy đủ, đúng sự thật tất cả những gì liên quan đến hành vi phạm tội), ăn năn hối cải (chấp hành tốt nội quy, quy định nhà tạm giữ, tạm giam, mong muốn sửa chữa, cải tạo mình thành người tốt); bị cáo tự thú (đã khai ra hành vi bán trái phép chất ma túy cho Hạnh 02 lần). Do đó, xét cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm r, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng ba, nhận thức pháp luật hạn chế, cần xem xét giúp đỡ bị cáo sửa chữa sai lầm, trở thành công dân có ích cho xã hội nên cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Nhân thân: Bị cáo có nhân thân xấu, là đối tượng sử dụng trái phép chất ma túy (phiếu xét nghiệm dương tính (+) với ma túy), chính quyền địa phương xác định bị cáo chưa chấp hành quy định của địa phương, bị cáo không có khả năng tự cải tạo.

[7] Về hình phạt: Từ những phân tích và nhận định trên, cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn, cách ly ra ngoài xã hội một thời gian để đảm bảo giáo dục, cải tạo bị cáo thành người tốt, có ích cho xã hội và cũng nhằm răn đe, phòng ngừa, giáo dục cho hành vi tương tự.

Theo quy định tại khoản 5 Điều 251 Bộ luật Hình sự, bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên, biên bản xác minh tài sản, lời khai của bị cáo tại phiên tòa xác định: không có tài sản giá trị nên không áp dụng hình phạt bổ sung, phạt tiền đối với bị cáo.

[8] Về biện pháp ngăn chặn: áp dụng Điều 329 của Bộ luật Tố tụng hình sự, tiếp tục tạm giam bị cáo để bảo đảm việc thi hành án; bị cáo bị tạm giữ, giam từ ngày 02/6/2024 được xem xét khấu trừ vào thời gian chấp hành hình phạt tù.

[9] Đối với Tòng Văn H là người sử dụng ma túy, chưa có tiền án, tiền sự, không thu được ma tuý nên Cơ quan chức năng đã áp dụng biện xử phạt hành chính. Đối với người đàn ông bán trái phép chất ma túy cho bị cáo, Cơ quan điều tra đã xác minh nhưng không thu thập được tài liệu khác ngoài lời khai của bị cáo nên không có cơ sở chứng minh, xử lý theo vụ án.

[10] Vật chứng của vụ án: Cơ quan chức năng đã lấy mẫu giám định 0,38 gam Heroine và 0,53 gam Methamphetamine, không hoàn lại mẫu giám định nên không có cơ sở xử lý.

Hiện đang lưu kho vật chứng: 2,88 gam Heroine ký hiệu T1A; 0,16 gam Heroine ký hiệu T2A; 6,81 gam Methamphetamine ký hiệu T3A là vật cấm tàng trữ, lưu hành nên cần tịch thu và tiêu hủy, căn cứ điểm c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự và điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

02 mảnh nilon màu trắng, 01 bật lửa và 01 mảnh giấy bạc là vật chứng không có giá trị nên cần tịch thu và tiêu hủy, căn cứ điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Đối với việc thu lợi: bị cáo và H có thống nhất trả công lao động là gói ma tuý, tương ứng giá trị 200.000VNĐ nhưng không chuyển giao bằng tiền, H chưa thực hiện làm thuê cho T đã bị phát hiện nên xác định T chưa được lợi 200.000VNĐ; đối với số tiền 100.000VNĐ T bán trái phép ma tuý cho H mà có nhưng bị cáo đã chi tiêu cá nhân hết nên cần truy thu, tịch thu nộp ngân sách Nhà nước, căn cứ điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[11] Về án phí: Tài liệu trong hồ sơ xác định bị cáo là người dân tộc thiểu số sống ở vùng đặc biệt khó khăn, bị cáo và người bào chữa cho bị cáo xin miễn nộp tiền án phí; theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bị cáo thuộc trường hợp được miễn án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b, p khoản 2 Điều 251; Điều 38; điểm r, s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

1. Tuyên bố: Bị cáo Lò Văn T phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy".

2. Xử phạt: Bị cáo Lò Văn T 09 (Chín) năm 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ (02/6/2024); không phạt bổ sung đối với bị cáo.

3. Về vật chứng: Căn cứ điểm a, b, c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự và điểm a, b, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu và tiêu hủy: 2,88 gam Heroine ký hiệu T1A; 0,16 gam Heroine ký hiệu T2A; 6,81 gam Methamphetamine ký hiệu T3A; 02 mảnh nilon màu trắng, 01 bật lửa và 01 mảnh giấy bạc của Lò Văn T.

Truy thu, tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước số tiền 100.000VNĐ của Lò Văn T (Chi tiết theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an huyện M và Chi cục Thi hành án dân sự huyện M).

4. Về án phí: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo T.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (19/11/2024).

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND tỉnh Sơn La;
- Sở Tư pháp tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện M;
- CA h.M (Bộ phận Hồ sơ, CSĐT, THAHS, Nơi giam);
- Chi cục THADS huyện M;
- UBND xã nơi bị cáo cư trú;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HS, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Hoà